CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 24 THÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						*293 419*	*32 535*	*264 456*			
I		CẢNG CHÍNH						115 171	4 404	114 339			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						*6 030*	*4 404*	*5 198*			
1		DT TM DV VINACOMIN	17/07	1095/07	31/07	BN 1386	CỤC XÔ 1C	1 030	832	198	DỞ	TD	THAY TBGT SỐ 1501/7 NGÀY 16/7/2025
2		ĐẠM NINH BÌNH	21/07	1099/07	31/07	NB 6695	CẨM 4A.1	4 000	2 582	4 000	DỞ		
3		SÔNG HỒNG	23/07	1100/07		BN 1799	CỤC XÔ 1C	1 000	989	1 000	23/07	TD	
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						*109 141*		*109 141*			
1		XD CN MỎ	23/06	631/04	29/06	BN 2519	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
2		XD CN MỎ	23/06	730/04	29/06	BN 2276	Cám 4b.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	23/06	786/04	30/06	HD 2558	CỤC XÔ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L2
4		XD CN MỎ	27/06	815/05	30/06	BN 1459	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
5		KDT BẮC THÁI	26/06	933/05	30/06	BN 1158	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠI L1
6		DVVT QUẢNG NINH	23/06	841/05	30/06	BN 2228	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		VTT VINACOMIN	23/06	937/05	30/06	BN 1468	CUỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
8		CROMIT CĐ THANH HÓA	23/06	943/05	30/06	HD 2095	CỤC XÔ 1C	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
9		THAN SÔNG HỒNG	24/06	977/06	30/06	BN 2006	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
10		COALIMEX	01/07	1045-B/06	16/06	QN 7237	CẨN 5A.1	5 312		5 312		PTCB	GIA HẠN L1
11		THAN SÔNG HỒNG	20/07	1058/07	31/07	BN 1809	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L!
12		CROMIT CĐ THANH HÓA	26/06	764/04	30/06	HD 2266	Cám 4b.1	1 980		1 980		TD	
13		KDT BẮC THÁI	26/06	932/05	30/06	HD 1818	CẨM 1	1 981		1 981		TD	
14		KDT BẮC THÁI	26/06	934/05	30/06	BN 2033	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	
15		CROMIT THANH HOÁ	30/06	944/05		NB 8927	CẨM 4B.1	3 020		3 020		TD	
16		KDT CẦU ĐUỐNG	15/07	945/05	31/07	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
17		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000			
18		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XÔ 1C	1 020		1 020			
19		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XÔ 1C	1 550		1 550		TD	
20		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CẨM 5A.1	8 750		8 750			
21		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CẨN 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
22		XD CN MỎ	01/07	991-B/06	08/07	BN 1835	CỤC XÔ1C	1 100		1 100		TD	
23		KDT BẮC THÁI	16/06	1005/06	30/06	BN 2308	CẨM1	1 530		1 530		TD	
24		XD CN MỎ	17/06	1010/06	30/06	BN 2112	Cám 4b.1	1 200		1 200		TD	
25		KDT BẮC THÁI	24/06	1028/06		HD 2099	CẨM 1	1 980		1 980		TD	
26		KDT BẮC THÁI	24/06	1029/06		BN 1869	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 24 THÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
27		KDT BẮC THÁI	24/06	1030/06		BN 2508	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
28		ĐẠM NINH BÌNH	26/06	1033/06		NB 6339	CÁM 4A.1	4 000		4 000			
29		KDT HÀ BẮC	30/06	1047/06		BN 2168	CÁM 5A.1	1 000		1 000		PTCB	
30		KDT HÀ BẮC	30/06	1049/06		BN 0937	CÁM 5A.1	1 170		1 170		PTCB	
31		CP HÀNG HẢI VN	02/07	1053/07	17/07	BN 1816	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
32		ĐT TMDV VINACOMIN	08/07	1071/07	23/07	BN 1879	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	
33		THAN SÔNG HỒNG	11/07	1077/07	26/07	BN 1858	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	
34		DV VT QUẢNG NINH	14/07	1081/07	31/07	BN 1826	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
35		THẮNG LỢI 6668	18/07	1092/07		THẮNG LỢI 6668	CÁM 6A.14	5 000		5 000			
36		XD CN MỎ	18/07	1096/07	31/07	BN 2267							
37		KDT MIỀN BẮC		1020/06		STAR CITY	CÁM 5A.1	22 000		22 000		PTCB	TTCO: 22.000
38		DVVT QUẢNG NINH	23/07	1101/07		BN 2056	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
39		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	23/07	1104/7		QUANG VINH 188	CÁM 6A.1	22 800		22 800			
	Tàu chuyển tải							**125 640**	**8 070**	**117 570**			
	Tàu đang làm hàng							***27 690***	***8 070***	***19 620***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/07	1086/7		PACIFCI 01	CÁM 6A.1	27 690	8 070	19 620	DỞ		TTHG:23.000 - KVCP:4.690
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***97 950***		***97 950***			
1		THAN MIỀN NAM	15/07	1087/07		VIỆT THUẬN 095-01	CÁM 5A.1	4 500		4 500			
								4 100		4 100			
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	17/07	1090/07		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.1	40 700		40 700			TTCO: 20.700 - TTHG:20.000
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	23/07	1102/07		HẢI NAM 88	CÁM 6A.10	23 150		23 150			KDT CP:5.000 - CLM:11.000 - KVCP:7.150
4		ĐIỆN DUYÊN HẢI	23/07	1103/07		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 5B.14	25 500		25 500			TTHG: 13.000 - KDT CP:12.500
	KHO G9-HÓA CHẤT							**15 913**	**-**	**15 913**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh							***15 913***		***15 913***			
1		MIỀN TRUNG	03/7	87	17/7	PHÚC THỊNH 18	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
2		MIỀN TRUNG	03/7	87	17/7	PHÚC THỊNH 18	CỤC 1B	930		930		TD	
3		SÔNG HỒNG	03/7	90	17/7	BN - 2366	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
4		CP DVVT QNINH	03/7	91	17/7	BN - 2646	CỤC 1A	1 100		1 100		TD	
5		CP ĐTTM&DV	04/7	109	17/4	BN - 0695	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
6		CẦU ĐUỐNG	06/7	215	21/7	BN - 2203	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
7		CP VT&KD THAN	07/7	248	22/7	BN - 0808	CÁM 8A	1 500		1 500		TD	
8		CẦU ĐUỐNG	07/7	249	22/7	BN - 2006	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 24 THÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
9		XD CN MỎ	07/7	251	22/7	BN - 2128	CỤC 1B	1 280		1 280		TD	
10		CP ĐTTM&DV	10/7	336	24/7	BN - 1666	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
11		CP ĐTTM&DV	10/7	351	24/7	BN - 1135	CỤC 1B	910		910		TD	
12		HẢI PHÒNG	13/7	443	26/7	BN - 1856	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
13		CP VT&KD THAN	16/7	607	31/7	BN - 1816	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
14		CP DVVT QNINH	18/7	654	31/7	BN - 0979	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
15		CP HÀNG HẢI VN	18/7	687	31/7	BN - 1348	CỤC 1B	993		993		TD	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**-**					
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh												
IV	**KHO CẢNG KM6**							**2 045**	**-**	**2 045**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh							***2 045***		***2 045***			
1		PACIFIC 01 (ĐIỆN VĨNH TÂN I)	18/7	52	28/7	SƠN HẢI 09	Cám 5a.1	2 045		2 045			
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**24 650**	**10 917**	**13 733**			
	Tàu đã làm hàng							***23 000***	***10 917***	***12 083***			
1		NHẬT BẢN		4 090		MV MIA SAN	CÁM 3B.1	18 000	10 917	7 083			
2		THÁI LAN	15/7	23/7		MV ORIENTAL SEA	CỤC 4A.3	2 400		2 500			
							CỤC 4B.3	2 600		2 500			
	Tàu đã làm lệnh							***1 650***		***1 650***			
1		INDONESIA	15/07	24/7		MV NAM SON 16	CÁM 2A.1	1 650		1 650			
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**10 000**	**9 144**	**856**			
	Tàu đã làm hàng							***10 000***	***9 144***	***856***			
1		MOZAMBIQUE		CLM		MV KMAX RULER		10 000	9 144	856	23/07		
	Tàu đã làm lệnh												